

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P8+TTC2+P2	7:25	17+0+5	0+0+0		16+0+6	0+0+0	chuyen 1 p8-ttc2
2		BK8+RC10+TD2	7:25	4+3+13	0+0+0		1+0+21	0+0+0	
3		P2+BK5+RP2	7:25	15+7+0	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
4		RP2+RC3+P1	9:25	16+6+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
5		CTC1+GTC1+RC10	9:25	13+0+2	0+0+0		13+0+5	0+0+0	chuyen 2 ctcl-gtc1thảo 4 ghế
6		P6+BK19+P2	9:25	2+0+14	0+0+0		4+0+18	0+0+0	chuyen 4 p6-bk19
7		BK3+BK6+P8	11:25	15+4+3	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 4bk3-bk6
8		RC3+BK8+TD3	11:25	7+6+6	0+0+0		3+9+10	0+0+0	
9		BK3-P9+P11+RP2	11:25	3+1+0+17	0+0+0		0+4+0+18	0+0+0	chuyen 1 p9-p11

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 nguoi rp2 về qua Td2; đi về trong ngày bk8-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: P8 - TTC2 - P2	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FIRSOV EVGENII	P8	16	1	7		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN VAN TRUONG	P8	12-13	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN CONG HOAN	P8	23	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THAI DUONG	P8	28	1	9		54	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH TINH	P8	14	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
6	DO VAN PHAN	P8	22	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẠU CAO KHANG	P8	15	1	8		51	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LINH	P8	17-18	2	14		90	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG TUÂN	P8	10-11	2	10		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VAN THANH	P8	20-21	2	10		58	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM THANH KHIẾT	P8	30	1	6		68	DNV	Vietnamese
12	NGO HONG GIANG	P8	19	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN HUNG	P8	24-25	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
14	VU HOANG TAN	P8	09	1	15		91	KH-THAC	Vietnamese
15	HO NGOC BEN	P8	26	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
16	DO VAN HIEU	P8	27	1	11	32	75	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN TAM	P8	29	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN ĐỨC KHANG	P2	03-04	2	14	25	81	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN LONG	P2	02	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG XUAN DIỆP	P2	06	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO VĂN ĐĂNG	P2	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUỐC TRUNG	P2	07	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	17	22	167	1.231	32	167		CHUYEN 1 PAX P8-TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	45	0		
3	P2	5	6	39	345	25	6		
TOTAL		22	28	206	1.576	102	22		
WEIGHT KG				206	1.576	102			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	TO: BK8 - RC10 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HÙNG - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

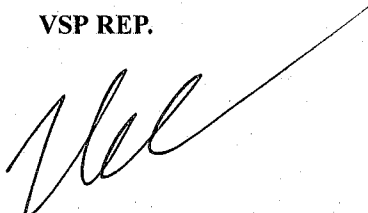
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN MANH	BK8					77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEN	BK8	08	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	BK8					78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG CAM	BK8	07	1	13		78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO VIỆT HAI	RC10	11-12	2	9	120	75	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TUẤN ANH	RC10					65	KH-THAC	Vietnamese
7	VU MANH THANG	TD2	13	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	GONCHAROV SERGEY	TD2	06	1	9		100	KHOAN	Russian
9	TRUONG THANH TUNG	TD2	03	1	2		73	KHOAN	Vietnamese
10	LY ANH TUAN	TD2	07	1	5		89	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC ĐOAN	TD2	09	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN HUNG HUNG	TD2	12	1	3		96	KHOAN	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	04	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ THANH TUNG	TD2	100	1	15		90	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN HAI	TD2	08	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
16	CAO VĂN LỢI	TD2	11	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	VÔ SĨ HOAI THANH	TD2	05	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
18	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	01-02	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	10	1	7		66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

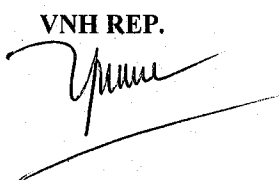
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	4	2	17	283	0	1		
2	RC10	2	2	9	140	120	0		
3	TD2	13	14	85	998	0	21		
TOTAL		19	18	111	1.421	120	22		
WEIGHT KG				111	1.421	120			

GRAND TOAL: 1.652 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P2 - BK5 - RP2	CREW: VThắng - N.Cường - Q.Trường	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH VĂN THUẬN	P2	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BAO TOÀN	P2	43	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH BA HOÀNG NAM	P2	35	1	10		94	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ NGHĨA TÀI	P2	39	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU HẬU	P2	36-37	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NAM	P2	34	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO HỮU NGUYỄN	P2	52	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HÙNG	P2	46	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ VĂN NIN	P2	45	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÙNG	P2	38	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	53	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
12	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	44	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THANH HIỀN	P2	42	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	51	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ SỸ VANG	P2	41	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	49	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	36	1	8	60	61	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC HUY	BK5	37	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN SƠN	BK5	39	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ANH MINH	BK5	41	1	9	24	78	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	38	1	6		57	PSV	Vietnamese
22	TRẦN TIẾN ĐẠT	BK5	40	1	8		65	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	16	105	1.098	0	10		
2	BK5	7	7	52	491	84	4		
3	RP2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	23	157	1.589	84	22		
WEIGHT KG				157	1.589	84			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

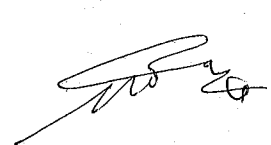
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	TO: RC3 - RP2 - P1	CREW: CHIẾN - Dương - Toan	ETA: 11:40
XANH-2			

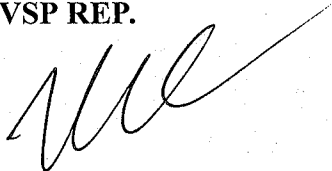
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUANG LOI	RC3	15	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN NAM TRUNG	RC3	13-14	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	12	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN DŨNG	RC3	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	17	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RC3	19-20	2	15		65	XAY LAP	Vietnamese
8	LE CÔNG NAM	RC3	18	1	13		65	XAY LAP	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HÀ	RP2	14	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP2	10	1	7		89	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH THỊNH	RP2	12	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN LÝ	RP2	02	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	07	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH DUY	RP2	04	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	03	1	11		65	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN KHẮC SANG	RP2	11	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	13	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	06	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÙNG	RP2	08-09	2	12		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THÀNH DƯƠNG	RP2	05	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO TUẤN ANH	RP2	01	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CÔNG MINH HIỂU	RP2	15	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

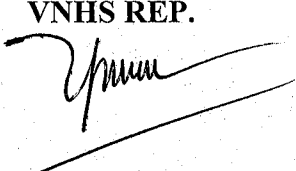
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	9	72	538	0	4		
2	RP2	14	15	95	1.024	0	15		
3	P1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	24	167	1.562	0	22		
WEIGHT KG				167	1.562	0			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

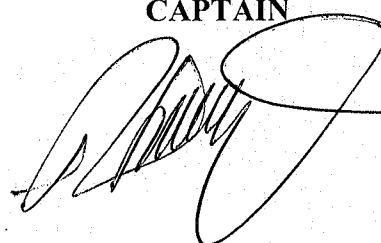
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	TO: CTC1 - GTC1 - RC10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	26	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1					78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG HOÀNG ANH	CTC1	27	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN NINH	CTC1	30	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÂM TRỌNG ĐẠI	CTC1	28	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	24	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	29	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HUNG	CTC1	10-11	2	22		93	KH-THAC	Vietnamese
9	PASHANOV A.	CTC1	05	1	6		110	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN ĐỨC KHANH	CTC1	16	1	5		83	XAYLAP	Vietnamese
11	SAVELEV V.V.	CTC1	06-07	2	14		114	NIPI	Russian
12	ĐẶNG THÈ ANH	CTC1	08,12,15	3	12		71	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VIỆT	CTC1	25	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THÀNH	RC10	19	1	10	45	62	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO XUÂN THỌ	RC10	21	1	5	330	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

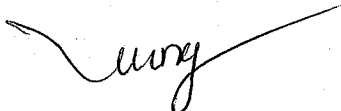
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	13	16	103	1.021	0	13	2	CHUYEN 2 PAX CTC1-GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	0	0		
3	RC10	2	2	15	132	375	5		
TOTAL		15	18	118	1.153	375	18		
WEIGHT KG				118	1.153	375			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	TO: P6 - BK19 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - QTrưởng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY HIỆP	P6	55-56	2	10	25	70	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN XUÂN	P6	52-53	2	10		74	PSV	Vietnamese
3	HỒ HUY QUYNH	P2				5	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CHI HƯƠNG	P2	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG LƯU	P2	64	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN NAM	P2	66	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH XANH	P2	60	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THỦY	P2	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THẮNG	P2	61-62	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	56-57	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	55	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HUY ĐÌNH	P2	58-59	2	14		62	T-TIN	Vietnamese
14	HOÀNG QUỐC LONG	P2	54	1	5		58	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P2	67	1	9		83	DK9	Vietnamese
16	PHẠM TUÂN VIỆT	P2	68	1	8		90	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

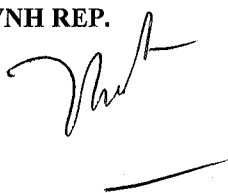
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	2	4	20	144	25	474		CHUYEN 4 PAX P6-BK19
2	BK19	0	0	0	0	0	0		
3	P2	14	15	89	982	5	18		
TOTAL		16	19	109	1.126	30	22		
WEIGHT KG				109	1.126	30			

GRAND TOAL: 1.265 KGS

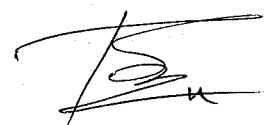
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: BK3 - BK6 - P8	CREW: CHIẾN - Dương - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

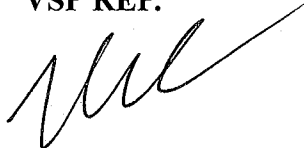
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HAI	BK3	20	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	BK3	900	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO NGỌC HAI	BK3	29	1	1		65	XAYLAP	Vietnamese
4	CHÊ NGỌC TỰ	BK3	16-17	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN HÙNG	BK3	25-26	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
6	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	BK3	23	1	13	20	85	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU PHI	BK3	34-35	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
8	HÀ TUẤN DŨNG	BK3	18-19	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
9	TRÌNH VĂN TỰ	BK3	98-99	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHUỘNG	BK3	01-02	2	16		51	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TIẾN	BK3	21-22	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ DOÀN HAI	BK3	27	1	10	17	60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK6	60	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	61	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HAI	BK6	63	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN NGUYỄN	BK6	64-65	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN TRONG MINH	BK6	62	1	4		71	PSV	Vietnamese
18	PHAM HONG QUY	P8	42	1	11	30	74	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN DUNG	P8	41	1	13	10	57	DVL	Vietnamese
20	DOAN MINH DAT	P8	43-44	2	20	16	75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

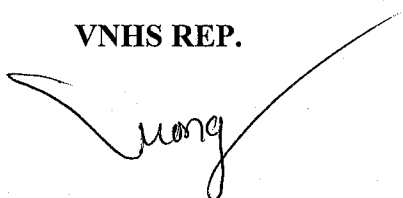
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	12	19	174	827	37	0	1	CHUYEN 1 BK3-BK6
2	BK6	5	6	32	362	0	4		
3	P8	3	4	44	206	56	18		
TOTAL		20	29	250	1.395	93	22		
WEIGHT KG				250	1.395	93			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	TO: RC3 - BK8 - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐNam - Thành	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SY MY	RC3	30	1	15		66	XAY LAP	Vietnamese
2	PHAM VAN NAM	RC3	26	1	10		58	XAY LAP	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC GIAP	RC3	27-28	2	20		59	XAY LAP	Vietnamese
4	TRAN BA QUY	RC3	24-25	2	20		69	XAY LAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LONG	RC3	29	1	20		65	XAY LAP	Vietnamese
6	PHAM VAN DUC	RC3	21-22	2	12		80	T-TIN	Vietnamese
7	BUI TRUNG SON	RC3	23	1	5		69	PSV	Vietnamese
8	TRAN VAN TINH	BK8	14	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LE TAN	BK8	09	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH NHAN	BK8	11-12	2	12	35	69	KH-THAC	Vietnamese
11	DO VAN HUNG	BK8	10	1	5		65	PSV	Vietnamese
12	LAI VAN THANH	BK8	13	1	5		55	PSV	Vietnamese
13	LE VAN DUC	TD3	58	1	7		58	PSV	Vietnamese
14	VU VAN TRUONG	TD3	56	1	6	43	52	SHINTRAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH TUNG	TD3	60-61	2	15	35	60	SHINTRAC	Vietnamese
16	PHAM VAN SANG	TD3	59	1	7		55	SHINTRAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG BANG	TD3	57	1	5		70	SHINTRAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUAN	TD3	69	1	11		65	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	7	10	102	466	0	3		
2	BK8	5	6	36	329	35	9		
3	TD3	6	7	51	360	78	10		
TOTAL		18	23	189	1.155	113	22		
WEIGHT KG				189	1.155	113			

GRAND TOAL: 1.457 KGS

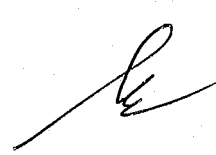
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	TO: BK3 - P9 - P11 - RP2	CREW: VThắng - HTrung - PTUẤN	ETA: 14:10

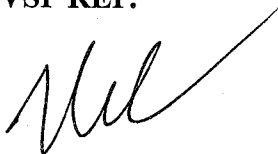
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC DIEU	BK3	02	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	DAO VAN KHOI	BK3	55-56	2	15	20	55	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG QUE	BK3	57-58	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN THANH SON	P9	21	1	12	10	80	T-TIN	Vietnamese
5	DUONG QUOC MAI	RP2	21	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TUNG	RP2	30	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC TAN	RP2	22	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HAI SANG	RP2	23	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHÍ CƯỜNG	RP2	20	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ DUY QUYỀN	RP2	28	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG XUÂN KHOA	RP2	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	25	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DAT	RP2	29	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI VAN TUAN	RP2	27	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CANH TAN	RP2					74	KH-THAC	Vietnamese
17	KYREEV	RP2	17	1	5		87	NIPI	Russian
18	BUI DINH PHI	RP2	31	1	3		66	NIPI	Vietnamese
19	NGUYEN VIET BUNG	RP2	26	1	4		50	PSV	Vietnamese
20	VUONG ĐỨC HUY	RP2	24	1	12		99	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRỌNG TOÀN	RP2	16	1	10		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

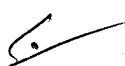
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	3	5	45	205	20	0		CHUYEN 1 PAX P9-P11
2	P9	1	1	12	80	10	4		
3	P11	0	0	0	0	3	0		
4	RP2	17	16	100	1.158	0	18		
TOTAL		21	22	157	1.443	33	22		
WEIGHT KG				157	1.443	33			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

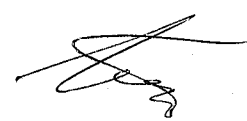
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP3+VSP02	7:25	19+3+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
2		P6+P1+BK4+TD5	7:25	4+4+12	0+0+0		1+0+18	0+0+0	NGUOI NHA P1
3		TD3+RC5+VSP02	9:25	7+14+0	0+0+0		0+0+18	0+0+0	
4		P2+P10+P4	9:25	10+0+7	0+0+0		3+12+7	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: TD3 - RC5 - VSP02	CREW: Dương - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

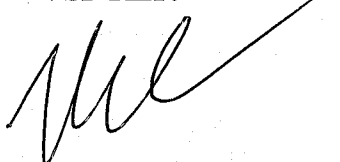
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN UÂN	TD3	92-93	2	15		61	BA SON	Vietnamese
2	MAI VĂN VUI	TD3	90-91	2	10		50	BA SON	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH MÃN	TD3	83-84	2	16		75	BA SON	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CAM	TD3	86	1	11		62	BA SON	Vietnamese
5	NGUYỄN CÔNG ĐIỀN	TD3	85	1	6		57	BA SON	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐẬU	TD3	87	1	8	17	67	BA SON	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN THẮNG	TD3	94	1	6		78	DK9	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	TD3	81-82	2	17		57	CODIEN	Vietnamese
9	LE XUAN VIET	RC5	46	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
10	VÔ VĂN HOÀI	RC5	49	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC CƯỜNG	RC5	50	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ XUÂN LẬP	RC5	41	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
13	HÒA QUANG THẮNG	RC5	47-48	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG QUYNH	RC5	36,38	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
15	NGÔ ĐỨC THUẬN	RC5	44-45	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH HÙNG	RC5	34-35	2	19		95	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RC5	68	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ QUỐC HUƠNG	RC5	33	1	19		73	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU LƯƠNG	RC5	30	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VĂN HẠNH	RC5	42-43	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
21	KIM VĂN TÍNH	RC5	31-32	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
22	THAI ĐOÀN BÌNH	RC5	39-40	2	19		83	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

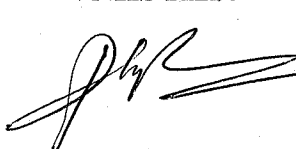
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	8	12	89	507	17	1		
2	RC5	14	21	230	979	0	0		
3	VSP02	0	0	0	0	12	18		
TOTAL		22	33	319	1.486	29	19		
WEIGHT KG				319	1.486	29			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

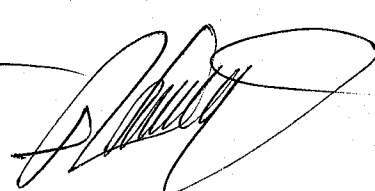
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2023	TO: P6 - P1 - BK4 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN THAI	P6	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HOANG	P6	35	1	12	33	78	CODIEN	Vietnamese
3	LE ĐỨC TIẾN	P6	34	1	8		119	CODIEN	Vietnamese
4	MAI XUAN TUONG	P6	33	1	5		69	CODIEN	Vietnamese
5	DINH VAN THANG	P1	99	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TAN NHAN	BK4	48-49	2	11	20	85	XAYLAP	Vietnamese
7	HA ĐỨC KHANH	BK4	56-57	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HIEN	BK4	55	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
9	DUONG BUU LAM	BK4	54	1	8	32	65	XAYLAP	Vietnamese
10	VU TRONG HACH	TD5	60	1	10	20	75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM ĐANG KHÔI	TD5	56	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TAN TAI	TD5	62	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	TD5	57	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THANH	TD5	54	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH ANH TRUONG	TD5	55	1	2		71	KHOAN	Vietnamese
16	HA QUỐC DŨNG	TD5	53	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VINH DUY	TD5	59	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	61	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	LE VIỆT THĂNG	TD5	63	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN ANH	TD5	58	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
21	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	64	1	5		90	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	4	4	30	331	33	1		
2	P1	1	1	3	65	0	2		
3	BK4	4	6	46	277	52	1		
4	TD5	12	12	77	867	20	18		
TOTAL		21	23	156	1.540	105	22		
WEIGHT KG				156	1.540	105			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD3 - RP3 - VSP02	CREW: Dương - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUANG BẮC	TD3	92	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	93	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	85	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	78	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ ANH THOẠI	TD3	76	1	12		95	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	96-97	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	84	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	75	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	77	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	79-80	2	12		85	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HIỆU	TD3	88	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD3	73-74	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ HỮU CHÍNH	TD3	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HUY MẠNH	TD3	99	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ XUÂN TÂM	TD3	95	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ PHÚC QUỐC	TD3	94	1	10		70	BA SON	Vietnamese
17	TU ĐỨC CHIẾN	TD3	86	1	10		70	BA SON	Vietnamese
18	LÊ TUẤN VIỆT	TD3	89-91	3	19		63	BA SON	Vietnamese
19	TRẦN ĐÌNH LONG	TD3	87	1	5		65	BA SON	Vietnamese
20	NGÔ QUỐC KHÁNH	RP3	03	1	10		72	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN BA TRIẾT	RP3	02	1	10	40	70	KHI	Vietnamese
22	MÃ ANH TRIẾT	RP3	13-14,01	3	18		95	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	24	170	1.341	0	12		
2	RP3	3	5	38	237	40	0		
3	VSP02	0	0	0	0	10	10		
TOTAL		22	29	208	1.578	50	22		
WEIGHT KG				208	1.578	50			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: P2 - P10 - P4	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:25
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRUNG HIỆU	P2	67	1	10		101	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P2	54-55	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI VĂN CHUNG	P2	63-64	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SƠN	P2	62	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ TRỌNG TUẤN	P2	58	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRINH HỮU CHUNG	P2	61	1	19		85	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI CÔNG HUÂN	P2	65-66	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P2	70,53	2	18		79	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ VĂN NGHĨA	P2	59-60	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU HOÀNG	P2	56-57	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ QUỐC VIỆT	P4	81	1	2		62	KHI	Vietnamese
12	TRINH HOÀNG THÈM	P4	82	1	4		70	KHI	Vietnamese
13	ĐÌNH HOÀI ĐỨC	P4					68	KHI	Vietnamese
14	HUYNH HỮU THẮNG	P4	80	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	79	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P4	83-84	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY CHÍNH	P4	76-77	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	16	159	718	0	2		
2	P10	0	0	0	0	0	13		
3	P4	7	8	48	460	0	7		
TOTAL		17	24	207	1.178	0	22		
WEIGHT KG				207	1.178	0			

GRAND TOAL: 1.385 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



